TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Hội Thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương.

Ông Nguyễn Văn Kỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lành - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Chu Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu I, thị trấn NS, huyện VL, tỉnh Lạng Sơn; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Danh L, sinh năm 1978; HKTT: Thôn NT, xã BĐ, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; hiện nay đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Chu Thị D trình bày: Chị và anh Đỗ Danh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Bình Định, huyện Lương tài, tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2012, anh L sang Hàn Quốc để sinh sống và làm việc theo diện xuất khẩu lao động.

Khoảng năm 2014, chị D đưa con chung của chị và anh L là cháu Đỗ Việt Thắng về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị ở thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Từ đó đến nay, chị và anh L không liên hệ gì với nhau nữa. Nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh L bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn như ban đầu. Mặc dù, anh chị đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả, mâu thuẫn không được giải quyết nên vợ chồng đã sống ly thân 11 năm nay, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị D đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Đỗ Danh L.

Trong thời kỳ hôn nhân chị D và anh L có 01 người con chung là cháu Đỗ Việt Thắng, sinh ngày 28/10/2009. Hiện nay, cháu Thắng đang ở với chị D. Chị D đề nghị Tòa án giao cháu Thắng cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng.

Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí, chị D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc nên Hội đồng xét xử không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ L vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Về nội D, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử cho chị Chu Thị D được ly hôn anh Đỗ Danh L.

Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Việt Thắng, sinh ngày 28/10/2009 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Tài sản và công nợ: Không có, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 16/10/2023, chị Chu Thị D đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Đỗ Danh L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của chị Chu Thị D, anh Đỗ Danh L có hộ khẩu thường trú tại thôn Ngọc Trì, xã Bình Định, huyện Lương tài, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ L vụ án anh Đỗ Danh L đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh của anh L tại Phòng quản L xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh và Cục quản L xuất nhập cảnh - Bộ Công an được biết, anh Đỗ Danh L đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 19/4/2017 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Do anh Đỗ Danh L đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Nguyễn Thị Dưỡng là mẹ đẻ của anh L về việc cung cấp địa chỉ cụ thể của anh L tại Hàn Quốc nhưng bà Dưỡng không cung cấp được cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L thông qua bà Dưỡng và bà Dưỡng cam kết thông báo lại cho anh L nội D các văn bản tố tụng. Anh L biết việc chị D khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng không có ý kiến gì. Do vậy, cần xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho chị Chu Thị D nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội D vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị D và anh Đỗ Danh L kết hôn ngày 02/11/2010, tại thời điểm kết hôn chị D và anh L đều đủ tuổi, đủ năng lực, đủ điều kiện kết hôn theo luật định và được Ủy ban nhân dân xã Bình Định, huyện Lương

Tài, tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Do đó, mối quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và có 01 con chung là cháu Đỗ Việt Thắng. Khoảng năm 2012, anh L sang Hàn Quốc để sinh sống và làm việc theo diện xuất khẩu lao động. Khoảng năm 2014, chị D đưa cháu Thắng về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị ở thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Từ đó đến nay, vợ chồng chị D, anh L không liên hệ gì với nhau nữa. Trong khoảng thời gian hai vợ chồng xa cách, anh chị đã có mâu thuẫn, giữa hai vợ chồng không gặp được nhau, không có tiếng nói chung và sống ly thân, không liên lạc gì với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ năm 2014 đến nay.

Do không lấy được lời khai của anh L, nhưng căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị Dưỡng là mẹ đẻ của anh L thì từ khi anh L đi lao động tại Hàn Quốc đến nay, chị D cũng mang theo con trai là cháu Thắng bỏ đi luôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị D là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, xử cho chị Chu Thị D được ly hôn anh Đỗ Danh L.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng chị D có một con chung là cháu Đỗ Việt Thắng, sinh ngày 28/10/2009. Từ khi anh L đi lao động tại Hàn Quốc đến nay, cháu Thắng luôn sinh sống cùng chị D, cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ nên cần giao cháu Thắng cho chị D tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị Chu Thị D không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng chị D, anh Thắng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Chu Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị D.

1. Chị Chu Thị D được ly hôn anh Đỗ Danh L.

2. Giao cháu Đỗ Việt Thắng, sinh ngày 28/10/2009 cho chị Chu Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Danh L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Chu Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0000445 ngày 16/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Kỹ - Trần Minh Phương **Nguyễn Văn Tính**